

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23-5-2019

V/v ly hôn giữa anh T và chị H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoan;
2. Ông Nguyễn Hữu Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đào Văn T, sinh năm 1977 “vắng mặt”

Địa chỉ cư trú: Thôn B, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 “vắng mặt”

Địa chỉ cư trú: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/01/2019, các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Đào Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn năm 1999 tại UBND xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới chị H về chung sống cùng anh ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến 2008 xảy ra

nhiều mâu thuẫn nên chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn L, xã T, huyện L sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H không chịu làm ăn, không quan tâm chăm sóc chồng, con. Vợ chồng anh đã sống ly thân, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa anh và chị H có 01 con chung là Đào Văn Long, sinh năm 2000. Cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đã trưởng thành.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng anh không có.

Tại phiên tòa anh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh T.

Bị đơn, chị Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Chị H thường xuyên đi làm và hiện vẫn ở địa pH. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng chị H không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và tại phiên tòa chị H vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, anh T chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 272 và 273 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho anh T được ly hôn chị H.

Về tài sản, công nợ các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho các đương sự. Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của BLTTDS xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Văn T và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn năm 1999 tại UBND xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa anh T và chị H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh T và chị H đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên anh khởi kiện xin ly hôn chị H. Quá trình giải quyết vụ án chị H không có ý kiến gì. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa anh T và chị H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh T được ly hôn chị H.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, 238; khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đào Văn T và chị Nguyễn Thị H.

2. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003740 ngày 23/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã V, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Thu Thủy

